

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2017/ HSST
Ngày 29/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hường

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Đỗ Thị Hoài Mơ.

2- Ông Lê Ngọc Giới.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện N.

- *Đại diện VKSND N tham gia phiên tòa:* ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 52/2017/HSST ngày 07 tháng 7 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1993. Tên gọi khác: Không có; Nơi ĐKKHKT: xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 8/12; Con ông: Nguyễn Chúc L, sinh năm 1976. Làm ruộng; Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975. Làm ruộng; Gia đình có 2 anh em, bản thân là thứ nhất; Vợ: Bùi Thị H, sinh năm 1997. Làm ruộng; Con: có hai con lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: chưa.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/4/2017 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang “có mặt”.

* **Người bị hại:** Anh Phạm Duy T, sinh năm 1991 “có mặt”

Trú quán: Số 174, X, TT Đ, huyện N, Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi liên quan:**

1. Anh Nguyễn Chúc L, sinh năm 1976 “có mặt”

Trú tại: Thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn G, thị trấn Đ, huyện N, tỉnh Bắc Giang.

NHẬN THẤY:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1993, trú tại thôn Đ, xã B, huyện N, tỉnh Bắc Giang là đối tượng chưa có nghề nghiệp ổn định, không có tiền nhưng lại ham chơi điện tử. Khoảng 18 giờ ngày 31/3/2017, khi T trên đường đi xe bus từ Hà Nội về nhà đã nảy sinh ý định vào nhà anh họ là Phạm Duy T, sinh năm 1991 ở số nhà 174, phố X, thị trấn Đ, huyện N giả vờ hỏi mượn xe để mang xe đi cầm lấy tiền chơi điện tử. Khi về đến phố X, T đã xuống xe bus và đi bộ vào nhà anh T, tại đây T hỏi anh T là “cho em mượn xe máy về nhà đón vợ xuống đây đi ăn”, anh T đã đồng ý và nói chìa khóa xe để ở mũ bảo hiểm gần cầu thang. T đã lấy chìa khóa và mượn được của anh T chiếc xe máy có nhãn hiệu HONDA, loại SH150i màu đen, biển kiểm soát 98E1-270.76. Ngay sau khi mượn được T đã đi chiếc xe này đến hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1981 ở thôn G, thị trấn Đ, huyện N để cầm xe. Tại hiệu cầm đồ của anh H1, T nói với anh H1 là muốn cầm xe, anh H1 có hỏi xe của ai, có giấy tờ không thì T nói xe của bố, em không cầm giấy tờ. Sau khi xem xét anh H1 đã đồng ý nhận cầm chiếc xe máy này với giá 37.000.000 đ. Sau khi nhận được tiền, T đã đến quán Internet của anh Trần Văn C, sinh năm 1988 ở thôn K, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang ngồi chơi game điện tử. T khai đã mua 20.000.000 đ tiền “Rik” trong game “Tipclub” của anh C thông qua chuyển tài khoản, T đã chơi “Tài xỉu” đến sáng ngày 01/4/2017 thì hết số tiền trên. Sau khi chơi game điện tử bị thua hết số tiền 20.000.000 đ, T bắt xe taxi lên thị Tứ Bảo Sơn, xã bảo Sơn, huyện N chơi và có vào cửa hàng điện thoại di động của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 ở thị tứ Bảo Sơn mua một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen với giá 300.000 đ và sim điện thoại giá 60.000 đ để sử dụng. Khoảng 9 giờ cùng ngày 01/4/2017, Nguyễn Văn T vào quán Internet của anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1994 ở phố H, thị trấn Đ, huyện N tiếp tục chơi game “Tài xỉu” và mua tiền “Rik” của anh T1 làm nhiều lần khác nhau với tổng số tiền là 15.000.000 đ để chơi, sau đó lại bị thua hết số tiền trên.

Phạm Duy T sau khi cho Nguyễn Văn T mượn xe, chờ lâu không thấy T mang xe về trả, anh T đã đi tìm nhưng không thấy T về nhà, T đi đâu, làm gì không ai biết. Ngày 01/4/2017, anh Phạm Duy T đã làm đơn trình báo sự việc đề nghị Công an huyện N điều tra làm rõ.

Hồi 20 giờ ngày 01/4/2017, Nguyễn Văn T đến Công an huyện N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi như nêu ở trên đồng thời giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và số tiền 280.000 đ.

Ngày 04/4/2017, anh Nguyễn Chúc L, sinh năm 1976, trú tại thôn Đại Từ, xã B, huyện N là bố đẻ của Nguyễn Văn T đã đến hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Văn H1 bỏ số tiền 37.000.000 đ ra để chuộc chiếc xe máy có nhãn hiệu HONDA, loại SH150i màu đen, biển kiểm soát 98E1-270.76 mà T cầm cho anh H1 ngày 31/3/2017. Sau khi chuộc được xe, anh L đã trả lại cho anh Phạm Duy T ngay. Ngày 05/4/2017, anh Phạm Duy T đã giao nộp chiếc xe này cho Cơ quan C sát điều tra Công an huyện N để phục vụ quá trình điều tra.

Ngày 03/4/2017, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện N ra quyết định trưng cầu định giá tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i màu đen, biển kiểm soát 98E1-270.76 của anh Phạm Duy T ở trên. Ngày 05/4/2017,

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH150i màu đen, biển kiểm soát 98E1-270.76 tại thời điểm bị mất có trị giá 63.750.000 đồng (Sáu ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). Ngày 13/4/2017, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện N ra quyết định xử lý vật chứng chiếc xe này trả lại cho anh T, anh T đã nhận lại xe và không có đề nghị bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 52/KSĐT ngày 06/7/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS. Đại diện VKSND huyện N thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đã đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS, xử phạt Nguyễn Văn T từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/4/2017. Miễn phạt tiền cho bị cáo.

Ngoài ra còn đề xuất về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi, tội trạng của mình, không tranh luận gì với quan điểm luận tội, buộc tội của Viện kiểm sát, bị cáo tha thiết xin HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của bị cáo, người bị hại, người liên quan.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/3/2017, tại nhà ở của anh Phạm Duy T, sinh năm 1991 ở số nhà 174, phố X, thị trấn Đ, huyện N. Do có mối quan hệ họ hàng, Nguyễn Văn T đã nói dối và hỏi mượn của anh T chiếc xe máy có nhãn hiệu HONDA, loại SH150i màu đen, biển kiểm soát 98E1-270.76 có trị giá 63.750.000 đ để về nhà đón vợ đi ăn cơm, anh T đã tin và giao xe cho T. Sau khi nói dối mượn được xe, T đã mang đi cầm được số tiền 37.000.000 đ mang đi chơi điện tử và chi tiêu cá nhân hết.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng lời khai thú nhận tội của bị cáo lời khai của người bị hại, lời khai của những người liên quan, lời khai của những người làm chứng, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm. Như

vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 BLHS, bản Cáo trạng số 52/KSĐT ngày 06/7/2017 của VKSND huyện N truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến lĩnh vực quản lý nhà nước về quyền sở hữu tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị trật tự an toàn xã hội ở địa pH, làm cho cán bộ và quần chúng nhân dân địa pH hết sức lo ngại và bất bình lên án. Do đó phải xử phạt bị cáo để giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX nhận thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo thành khẩn và ăn năn hối cải, bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi được, bị cáo ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do vậy, cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 BLHS.

Từ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX xét thấy cần bắt bị cáo Điều phải cách ly khỏi xã hội một thời gian cần thiết mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, xong cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Ngoài hình phạt chính cần áp dụng khoản 5 Điều 139 BLHS phạt bị cáo một khoản tiền để sung công quỹ nhà nước. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng, không có thu nhập. Do đó, HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ, đen số IMEL: 301014156179498 và số tiền 280.000đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa hôm nay bị cáo xin lại những tài sản này do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để Đ bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H1 đã nhận lại toàn bộ số tiền 37.000.000 đ cầm cầm xe từ anh Nguyễn Chúc L là bố đẻ của Nguyễn Văn T nên không có đề nghị bồi thường gì. Anh Nguyễn Chúc L bố đẻ T đã bỏ số tiền 37.000.000đ để chuộc xe nhưng anh L không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp quy định của pháp luật.

Đối với anh Nguyễn Văn H1 là chủ cửa hàng cầm đồ, có giấy phép đăng ký kinh doanh dịch vụ cầm đồ, khi Nguyễn Văn T mang chiếc xe của anh Phạm Duy T đến cầm cố, anh H1 không biết chiếc xe này do Nguyễn Văn T phạm tội mà có. Hành vi của Nguyễn Văn H1 chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự, ngày 01/6/2017 Công an huyện N đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Nguyễn Văn H1

theo điểm e, khoản 2, điều 11, Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ với mức phạt là 3.500.000 đồng. HĐXX xét thấy như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T khai sau khi cấm xe cho anh Nguyễn Văn H1 được số tiền 37.000.000 đ, T đã dùng vào việc mua thẻ để chơi game hết tổng số tiền là 35.000.000 đ, mua điện thoại di động và sim điện thoại hết 360.000 đ, chi tiêu hết số tiền 1.360.000 đ, còn lại 280.000 đ. Anh Trần Văn C khai chỉ bán thẻ game cho T số tiền khoảng 2.000.000 đ, T chơi game gì, chơi như thế nào C không biết. Anh Nguyễn Văn T1 khai T có đến chơi điện tử còn việc T chơi gì, chơi như thế nào, T1 không biết và cũng không bán thẻ game gì cho T. Hành vi Nguyễn Văn T khai chơi game “Tipclub” trên mạng có dấu hiệu của hành vi đánh bạc. Ngày 12/6/2017, Cơ quan C sát điều tra Công an huyện N có công văn đề nghị Phòng PC 5 Công an tỉnh Bắc Giang phối hợp, hỗ trợ nghiệp vụ chuyên sâu về công nghệ cao để điều tra làm rõ. Cơ quan điều tra Công an huyện N tiếp tục điều tra, xác minh khi nào có căn cứ thì xử lý sau. HĐXX xét thấy như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS. Xử phạt Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 01/4/2017.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

2. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS, khoản 2 Điều 76 BTTHS.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ, đen số IMEL: 301014156179498 và số tiền 280.000đ (Hai trăm tám mươi nghìn đồng) nhưng tạm giữ để Đ bảo thi hành án.

3. Án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 99; Điều 231; Điều 234 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T1 thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LN;
- Công an huyện LN;
- THADS huyện LN;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Bị cáo,
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương

